

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2025.
V/v xin ly hôn, chia tài sản
chung vợ chồng khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “xin ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Thạnh, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Thạnh, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1982. (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ H. (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1984. (có đơn xin vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T. sinh năm 1985. (có đơn xin vắng mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1988. (có đơn xin vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đông Thạnh, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

7/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Đơn vị ủy quyền: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành, Hậu Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Trán, xã Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Võ Thị X trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào khoảng năm 1981, có tổ chức lễ đính hôn, không có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Quá trình chung sống có bốn người con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1984, Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1988, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thời gian chung sống có phần đất diện tích hơn 4000m² đất và căn nhà trên đất có chiều ngang 4m, dài 11m. Về nợ chung, nợ cho vay không có. Mâu thuẫn vợ chồng do không còn phù hợp nhau về tính tình, cách sống, không tin tưởng nhau, đã ly thân từ năm 2021. Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn Võ Thị X, xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn L. Về tài sản chung yêu cầu được chia đôi, không có nợ chung nợ cho vay không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn L trình bày: Bị đơn và nguyên đơn kết hôn năm nào bị đơn không nhớ, không có làm lễ cưới theo truyền thống, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có bốn người con không nhớ rõ họ tên, nhưng lớn nhất trên 40 tuổi. Mâu thuẫn vợ chồng không còn phù hợp nhau về tính tình, cách sống đã ly thân được 07 năm. Thời gian chung sống không có tài sản chung, về phần đất này là của cha mẹ ông Nguyễn Văn L cho sau khi ông L chung sống với bà X. Về quan hệ hôn nhân bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Về tài sản chung bị đơn không đồng ý chia cho nguyên đơn vì đây là đất cha mẹ bị đơn cho bị đơn. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con đã trưởng thành

đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn giao cho nguyên đơn 40% giá trị tài sản của quyền sử dụng đất. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia căn nhà trên đất. Về nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, chia tài sản với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đông Thạnh, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Võ Thị X và bị đơn Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, không có đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, xét thời gian chung sống của nguyên đơn và bị đơn đã được khoảng 42-43 năm, mặt dù nguyên đơn và bị đơn không nhớ rõ thời gian chung sống, nhưng người con lớn của nguyên đơn và bị đơn là Nguyễn Văn B, sinh năm 1982, hoặc năm 1981, xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân thực tế vì được hình thành trước ngày 03/01/1987, Căn cứ Điều 33 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ tư pháp, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống không còn phù hợp nhau về tính tình, cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau. Nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung phần đất diện tích 4062m², thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, và căn nhà trên đất. Phần đất này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần đất, nhưng bị đơn ngăn cản nên không thể xem xét thẩm định tại chỗ phần đất và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 29/8/2025 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu nhận phân nửa giá trị quyền sử dụng đất của phần đất diện tích 4062m², thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, không yêu cầu về công trình vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, nhưng phần đất này có nguồn gốc từ cha mẹ của bị đơn cho bị đơn và nguyên đơn sau khi cưới hai vợ chồng cùng nhau canh tác từ đất ruộng lên đất vườn như hiện nay, nên cần chia tài sản cho nguyên đơn bằng 40% cũng đủ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ, bị đơn được hưởng 60% giá trị tài sản, căn cứ chứng thư định giá số 235/2025/325-BDS ngày 03/10/2025 của công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất, thì phần đất có giá trị 1.027.686.000 đồng. Như vậy cần buộc bị đơn giao lại cho nguyên đơn 411.074.400 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia căn nhà của nguyên đơn và bị đơn trên đất theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành, Hậu Giang đang giữ nhưng nguyên đơn khai đã trả hết nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn đứng tên trên giấy và bị đơn không ra Ngân hàng làm thủ tục nhận lại giấy. Nên cần buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành, Hậu Giang giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, đứng tên ông Nguyễn Văn Lục khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Về nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 33, 38, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị X và bị đơn Nguyễn Văn L được ly hôn.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung buộc bị đơn Nguyễn Văn L trả cho nguyên đơn Võ Thị X số tiền 411.074.400 đồng (bốn trăm mười một triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm đồng). Sau khi bị đơn Nguyễn Văn L trả tiền xong cho nguyên đơn Võ Thị X thì phần đất diện tích 4062m², thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, là tài sản riêng của bị đơn Nguyễn Văn L.

1.4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà trên đất theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024. Đương sự được nhận lại tài liệu chứng cứ khi có yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.5. Về nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành, Hậu Giang giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000104 cấp ngày 20/9/1993, đứng tên ông Nguyễn Văn L, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị X được miễn lý do người cao tuổi, trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003615 ngày 11/3/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ. Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản 28.664.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ.

Chi phí thẩm định, định giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nguyên đơn phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), bị đơn phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại chi phí thẩm định, định giá 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn

đồng) sau khi bị đơn nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân